

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,017,036,301,164	1,758,324,324,568
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	70,238,563,797	329,424,956,877
1. Tiền	111		70,238,563,797	312,924,956,877
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	16,500,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		423,716,296,390	219,548,828
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	423,716,296,390	219,548,828
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		443,671,849,907	563,618,091,194
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	310,734,667,177	485,307,767,483
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	133,322,521,517	74,542,924,504
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	2,168,650,558	6,321,388,552
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(2,553,989,345)	(2,553,989,345)
IV. Hàng tồn kho	140		1,007,008,428,349	823,256,429,259
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1,052,504,371,307	868,752,372,217
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(45,495,942,958)	(45,495,942,958)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		72,401,162,721	41,805,298,410
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	1,809,096,511	1,211,599,259
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		31,448,155,384	12,668,355,903
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	221,699,131	608,007,853
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	38,922,211,695	27,317,335,395

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		707,140,735,114	649,295,263,719
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		611,610,998,373	565,799,074,719
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	506,989,087,415	488,277,285,379
<i>Nguyên giá</i>	222		825,453,743,550	764,893,969,470
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(318,464,656,135)	(276,616,684,091)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	76,449,916,211	62,944,217,450
<i>Nguyên giá</i>	228		78,650,329,966	64,917,368,601
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2,200,413,755)	(1,973,151,151)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	28,171,994,747	14,577,571,890
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		95,529,736,741	83,496,189,000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	67,764,975,401	55,010,935,960
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	5,187,676,686	5,908,168,386
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17	22,577,084,654	22,577,084,654
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,724,177,036,278	2,407,619,588,287

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,323,875,340,670	1,100,805,436,737
I. Nợ ngắn hạn	310		1,321,116,503,922	1,039,047,348,989
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	957,228,189,867	633,578,126,990
2. Phải trả người bán	312	V.19	28,936,010,382	129,537,953,983
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	56,432,737,787	6,850,285,852
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	52,403,518,952	33,507,008,178
5. Phải trả người lao động	315	V.22	32,940,284,444	38,523,008,346
6. Chi phí phải trả	316	V.23	15,303,212,424	16,224,971,652
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	90,350,764,989	116,642,164,422
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		34,000,000,000	34,000,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.26	53,521,785,077	30,183,829,566
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2,758,836,748	61,758,087,748
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.27	-	58,942,312,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.28	2,758,836,748	2,815,775,748
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,326,332,222,536	1,243,040,928,148
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,326,332,222,536	1,243,040,928,148
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.29	475,112,730,000	471,512,730,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.29	190,492,000,000	190,492,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.29	(36,897,215,355)	(36,897,215,355)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.29	3,991,224,376	3,991,224,376
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.29	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.29	693,633,483,515	613,942,189,127
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		73,969,473,072	63,773,223,402
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,724,177,036,278	2,407,619,588,287

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài			-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		2,661,307.14	15,136,082.68
Euro (EUR)		301.83	307.06
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 15 tháng 08 năm 2012

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

QUÝ II/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ II		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	980,423,553,679	931,430,906,032	1,935,119,246,552	1,867,644,757,922
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	556,458,303	7,734,337,202	712,555,243	7,786,594,277
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	979,867,095,376	923,696,568,830	1,934,406,691,309	1,859,858,163,645
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	825,967,709,197	722,622,494,870	1,645,112,849,633	1,501,237,031,010
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		153,899,386,179	201,074,073,960	289,293,841,676	358,621,132,635
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7,859,999,453	39,444,002,512	20,119,470,726	68,774,060,615
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9,913,675,235	33,679,888,650	34,653,096,141	57,739,062,564
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8,830,340,202	17,981,680,821	29,217,942,624	33,233,840,027
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	50,146,519,360	42,807,414,347	92,109,688,722	85,382,218,774
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	17,372,667,559	12,160,150,119	33,204,970,533	23,619,619,038
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		84,326,523,478	151,870,623,356	149,445,557,006	260,654,292,874
11. Thu nhập khác	31	VI.7	6,136,469,205	(175,012,262)	6,518,889,912	421,698,149
12. Chi phí khác	32	VI.8	266,355,408	1,247,388,008	1,087,622,769	2,740,948,841
13. Lợi nhuận khác	40		5,870,113,797	(1,422,400,270)	5,431,267,143	(2,319,250,692)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		90,196,637,275	150,448,223,086	154,876,824,149	258,335,042,182
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	14,662,233,426	24,256,159,064	24,057,287,856	42,441,771,958
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.16	148,535,870	(1,078,580,239)	720,491,700	(1,128,355,927)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		75,385,867,979	127,270,544,761	130,099,044,593	217,121,626,151
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		8,747,645,854	5,113,865,466	14,203,743,667	12,111,986,502
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		66,638,222,125	122,156,678,795	115,895,300,926	205,009,639,649
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9		2,658	2,522	4,461



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 15 tháng 08 năm 2012

Nguyễn Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÝ II/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		154,876,824,149	258,335,042,182
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12, V.13	42,075,234,648	40,494,748,573
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.8	-	13,351,946,493
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	156,173,310
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	2,408,507,444	(7,218,210,420)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	29,217,942,624	33,233,840,027
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		228,578,508,865	338,353,540,165
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		30,401,093,523	(178,577,539,327)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(183,751,999,088)	(77,121,768,869)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(56,491,886,650)	(79,009,226,914)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(13,351,536,693)	(22,265,340,254)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.23, VI.4	(30,088,229,086)	(33,233,840,027)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(2,776,385,824)	(45,831,034,920)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3,149,097,000	89,350,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(18,122,642,027)	(10,060,795,830)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(42,453,979,980)	(107,656,655,976)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12, V.13, V.14	(55,732,908,970)	(51,006,832,780)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	14,979,459
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(423,510,123,274)	(37,113,065,763)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	2,704,837,567
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	(2,408,507,444)	8,731,241,230
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(481,651,539,688)	(76,668,840,287)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.29	-	(5,487,904,737)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18, V.27	1,539,573,257,945	1,004,862,841,234
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18, V.27	(1,275,289,140,260)	(875,933,541,296)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.29	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		264,284,117,685	123,441,395,201
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(259,821,401,983)	(60,884,101,062)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	329,424,956,877	126,419,394,330
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		437,008,904	746,414,897
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	70,040,563,797	66,281,708,165



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 08 năm 2012



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý II/2012

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ :** Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh :** Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh :** Nuôi trồng, đánh bắt, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản; Mua bán thủy hải sản; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản); Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái; Sản xuất bao bì giấy, in các loại; Xây dựng nhà các loại, kinh doanh bất động sản.
- Tổng số các công ty con :** 04
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất : 04

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	69,8%	69,8%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2 , Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ	100%	100%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Ấp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	99,13%	99,13%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Ấp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	90,00%	90,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Cơ sở hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Tài sản cố định khác	03 - 06

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 đến 05 năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tài sản và nợ phải trả của các cơ sở ở nước ngoài được qui đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được qui đổi sang VND theo tỷ giá bình quân trong năm. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
30/06/2012 : 20.828 VND/USD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	4.615.076.792	2.262.458.395
Tiền gửi ngân hàng	65.623.487.005	304.562.498.482
Tiền đang chuyển		6.100.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)		16.500.000.000
Cộng	<u>70.238.563.797</u>	<u>329.424.956.877</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm	423.716.296.390	219.548.828
Cộng	<u>423.716.296.390</u>	<u>219.548.828</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	160.938.078.970	199.968.042.605
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	1.355.008.747	13.167.335.726
Tại Công ty TNHH Lương Thực Vĩnh Hoàn 2	114.003.542	
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	148.327.575.918	272.172.389.152
Cộng	<u>310.734.667.177</u>	<u>485.307.767.483</u>

4. Trả trước người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	129.287.233.044	60.475.846.820
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	562.652.109	2.257.799.138
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	302.000.000	
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	3.170.636.364	11.809.278.546
Cộng	<u>133.322.521.517</u>	<u>74.542.924.504</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
--	-------------------	------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>			
Các khoản phải thu khác	2.168.650.558	6.321.388.553			
Cộng	2.168.650.558	6.321.388.553			
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi					
Dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ).					
7. Hàng tồn kho					
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>			
Hàng mua đang đi đường	46.995.371.503	19.450.224.909			
Nguyên liệu, vật liệu	152.447.236.142	126.938.625.860			
Công cụ, dụng cụ	4.417.091.529	3.107.842.478			
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	365.789.233.218	321.343.498.323			
Thành phẩm	482.723.214.330	353.505.848.292			
Hàng hóa	132.224.330	63.204.912			
Hàng gửi đi bán		44.343.127.444			
Cộng	1.052.504.371.307	868.752.372.217			
8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho					
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>			
Thành phẩm	45.495.942.958	45.495.942.958			
Cộng	45.495.942.958	45.495.942.958			
9. Chi phí trả trước ngắn hạn					
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:					
Số đầu kỳ	1.211.599.259				
Tăng trong kỳ	1.816.768.569				
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(1.219.271.317)				
Số cuối kỳ	1.809.096.511				
10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước					
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>			
Thuế xuất nhập khẩu nộp thừa	221.699.131	608.007.853			
Cộng	221.699.131	608.007.853			
11. Tài sản ngắn hạn khác					
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>			
Tạm ứng	35.579.792.095	25.174.915.795			
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.342.419.600	2.142.419.600			
Cộng	38.922.211.695	27.317.335.395			
12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	279.636.145.480	462.232.282.958	20.483.720.671	2.541.820.361	764.893.969.470
Tăng trong kỳ	22.505.015.122	30.949.042.940	6.458.628.630	647.087.388	60.559.774.080

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số cuối kỳ	302.141.160.602	493.181.325.898	26.942.349.301	3.188.907.749	825.453.743.550
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	55.628.837.243	210.628.514.737	8.748.851.359	1.610.480.752	276.616.684.091
Khấu hao trong kỳ	9.850.422.931	29.981.897.769	1.703.030.927	312.620.417	41.847.972.044
Số cuối kỳ	65.479.260.174	240.610.412.506	10.451.882.286	1.923.101.169	318.464.656.135
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	224.007.308.237	251.603.768.221	11.734.869.312	931.339.609	488.277.285.379
Số cuối kỳ	236.661.900.428	252.570.913.392	16.490.467.015	1.265.806.580	506.989.087.415

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá là 306.348.338.881 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	64.168.072.801	749.295.800	64.917.368.601
Tăng trong kỳ	13.597.961.365	135.000.000	13.732.961.365
Số cuối kỳ	77.766.034.166	884.295.800	78.650.329.966
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	1.376.371.729	596.779.422	1.973.151.151
Khấu hao trong kỳ	190.930.704	36.331.900	227.262.604
Số cuối kỳ	1.567.302.433	633.111.322	2.200.413.755
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	62.791.701.072	152.516.378	62.944.217.450
Số cuối kỳ	76.198.731.733	251.184.478	76.449.916.211

Quyền sử dụng đất có nguyên giá là 14.067.767.850 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu kỳ	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua tài sản cố định	177.929.688	2.573.981.187	(2.751.910.875)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	14.399.642.202	47.715.325.925	(33.942.973.380)	28.171.994.747
Chi phí ao nuôi cá	5.211.443.396	9.287.372.198	(1.187.636.700)	13.311.178.894
Công trình Nhà xưởng Công ty TNHH Vĩnh Hoàn 2	6.839.513.839	35.810.061.470	(32.533.004.753)	10.116.570.556
Các công trình khác	2.348.684.967	2.617.892.257	(222.331.927)	4.744.245.297
Cộng	14.577.571.890	50.289.307.112	(36.694.884.255)	28.171.994.747

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Chi phí trả trước dài hạn**

Số đầu kỳ	55.010.935.960
Tăng trong kỳ	19.000.008.438
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(6.245.968.997)
Số cuối kỳ	67.764.975.401

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu kỳ	5.908.168.386
Phát sinh trong kỳ	5.187.676.686
Hoàn nhập trong kỳ	(5.908.168.386)
Số cuối kỳ	5.187.676.686

17. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

18. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	957.228.189.867	627.278.126.990
- Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam ^(a)	56.562.039.541	19.616.660.608
- Vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(b)	816.289.375.005	413.791.466.382
- Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp		177.370.000.000
- Vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp		16.500.000.000
- Vay Ngân hàng Natixis chi nhánh TPHCM ^(c)	84.376.775.321	
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.26)		6.300.000.000
Cộng	957.228.189.867	633.578.126.990

(a) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nguyên vật liệu trong kho của Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 với trị giá 80 tỷ đồng và bảo lãnh của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn trị giá 40 tỷ đồng.

(b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động, chiết khấu bộ chứng từ, bao thanh toán có truy đòi đối với các khoản phải thu, bảo lãnh và phát hành thư tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà máy thủy sản Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn – phân xưởng 1 và 2). Khoản vay của Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 được bảo lãnh bởi Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn trị giá 200 tỷ đồng.

(c) Khoản vay Ngân hàng Natixis – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tồn kho của Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 và công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuế tài chính như sau:

Số đầu năm	633.578.126.990
Số tiền vay phát sinh	1.539.573.257.945
Chênh lệch tỷ giá	437.730.562
Số tiền vay đã trả	<u>(1.216.360.925.630)</u>
Số cuối năm	<u>957.228.189.867</u>

19. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	4.751.371.450	102.462.910.783
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	24.007.183.336	25.533.766.826
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	8.243.069.413	
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	1.437.129.083	1.541.276.374
Cộng	<u>28.936.010.382</u>	<u>129.537.953.983</u>

20. Người mua trả trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	5.756.651.213	6.157.619.827
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	1.844.223.383	
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	48.831.863.191	692.666.025
Cộng	<u>56.432.737.787</u>	<u>6.850.285.852</u>

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa		2.359.929.273	(2.359.929.273)	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*)	433.708	11.695.767.297	(11.401.753.499)	294.447.506
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(608.007.853)	2.031.541.586	(1.645.232.864)	(221.699.131)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.673.157.273	24.057.287.856	(5.533.252.756)	50.197.192.373
Thuế thu nhập cá nhân	1.833.417.197	2.837.556.819	(2.759.094.943)	1.911.879.073
Các loại thuế khác	-	492.910.956	(492.910.956)	
Cộng	<u>32.899.000.325</u>	<u>43.474.993.787</u>	<u>(24.192.174.291)</u>	<u>52.181.819.821</u>

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.10).

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến	5%
Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty trong Tập đoàn như sau:

- Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.
- Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật thuế thu nhập của nước Mỹ.

Các loại thuế khác

Các Công ty kê khai và nộp theo qui định.

22. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

23. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí lương	588.666.346	
Chi phí lãi vay		870.286.462
Chi phí khác	14.714.546.078	15.354.685.190
Cộng	<u>15.303.212.424</u>	<u>16.224.971.652</u>

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Kinh phí công đoàn	3.176.972.766	2.598.818.514
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.193.270.024	1.106.300.846
Cổ tức phải trả	58.448.500	58.448.500
Các khoản phải trả tiền hàng ủy thác xuất khẩu, phải trả khác	84.922.073.699	112.878.596.462
Cộng	<u>90.350.764.989</u>	<u>116.642.164.422</u>

25. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ liên quan năm thứ 8.

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu kỳ	30.183.829.566
Trích quỹ trong kỳ	32.604.006.538
Tặng khác	57.273.000
Chi quỹ trong kỳ	<u>(9.323.324.027)</u>
Số cuối kỳ	<u>53.521.785.077</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

27. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ^(a)		58.942.312.000
Cộng		58.942.312.000

(a) Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp để đầu tư dự án Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay. Đến ngày 30/06/2012 Vĩnh Hoàn 1 đã trả hết nợ vay.

28. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu kỳ	2.815.775.748
Số trích lập trong kỳ	
Số chi trong kỳ	(56.939.000)
Số cuối kỳ	2.758.836.748

29. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<i>Số đầu kỳ</i>	<i>Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thưởng</i>	<i>Trích quỹ trong kỳ</i>	<i>Lợi nhuận trong kỳ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	471.512.730.000	3.600.000.000			475.112.730.000
<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	190.492.000.000				190.492.000.000
<i>Cổ phiếu quỹ</i>	(36.897.215.355)				(36.897.215.355)
<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	3.991.224.355				3.991.224.355
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	613.942.189.127	(3.600.000.000)	(32.604.006.538)	115.895.300.926	693.633.483.515
Tổng cộng	1.243.040.928.148	0	(32.604.006.538)	115.895.300.926	1.326.332.222.536

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.151.273
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.151.273
- Cổ phiếu phổ thông	47.151.273
- Cổ phiếu ưu đãi	
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.198.750
- Cổ phiếu phổ thông	1.198.750
- Cổ phiếu ưu đãi	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.952.523
- Cổ phiếu phổ thông	45.952.523
- Cổ phiếu ưu đãi	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) từ USD sang VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2012	Năm 2011
Tổng doanh thu	1.935.119.246.552	1.867.644.757.922
- Doanh thu bán hàng hóa	74.124.086.928	83.976.646.707
- Doanh thu bán thành phẩm	1.549.771.445.992	1.453.584.709.574
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.246.368.282	20.326.636.027
- Doanh thu nguyên vật liệu	39.306.585.676	121.715.666.645
- Doanh thu phế phẩm	249.670.759.674	188.041.098.969
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(712.555.243)	(7.786.594.277)
- Giảm giá hàng bán	(192.556.203)	(67.191.505)
- Hàng bán bị trả lại	(519.999.040)	(7.719.402.772)
Doanh thu thuần	1.934.406.691.309	1.859.858.163.645
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	74.080.473.065	82.983.849.542
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.549.102.504.612	1.446.790.912.462
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	22.246.368.282	20.326.636.027
- Doanh thu thuần nguyên vật liệu	39.306.585.676	121.715.666.645
- Doanh thu thuần phế phẩm	249.670.759.674	188.041.098.969

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2012	Năm 2011
Giá vốn của hàng hóa	53.691.547.814	52.310.035.684
Giá vốn của thành phẩm	1.345.833.569.900	1.191.902.697.103
Giá vốn của nguyên vật liệu	34.215.082.977	117.193.136.978
Giá vốn của phế phẩm	211.372.648.942	139.831.161.245
Cộng	1.645.112.849.633	1.501.237.031.010

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2012	Năm 2011
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.228.344.152	5.927.850.017
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	371.831.874	332.168.924
Lãi cho vay		623.223.543
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	3.045.986.499	665.888.572
Lãi bán hàng trả chậm	1.560.823.207	4.032.636.132
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.912.484.994	57.192.293.427

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2012	Năm 2011
Cộng	20.119.470.726	68.774.060.615

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2012	Năm 2011
Lãi tiền vay	29.217.942.624	33.233.840.027
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		156.173.310
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.435.153.517	24.349.049.227
Cộng	34.653.096.141	57.739.062.564

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí nhân viên	3.175.977.600	2.292.791.713
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		254.101.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.503.726	64.697.443
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.618.618.804	47.215.462.020
Chi phí khác	33.256.588.592	35.555.166.598
Cộng	92.109.688.722	85.382.218.774

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí nhân viên	15.870.198.083	10.833.598.623
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	606.086.874	490.569.464
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.829.341.837	2.871.073.872
Thuế, phí và lệ phí	294.135.543	1.093.637.339
Chi phí dự phòng		(1.854.627.667)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.854.805.268	2.319.411.231
Chi phí khác	10.750.402.928	7.865.956.176
Cộng	33.204.970.533	23.619.619.038

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2012	Năm 2011
Thu nhập khác	6.518.889.912	421.698.149
Cộng	6.518.889.912	421.698.149

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí khác	1.087.622.769	2.740.948.841
Cộng	1.087.622.769	2.740.948.841

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	115.895.300.926	205.009.639.649
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	45.952.523	45.955.326
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.522	4.461

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	45.952.523
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	45.952.523

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	
Mua nguyên vật liệu	19.058.716.346
Các cá nhân có liên quan	
Mua nguyên vật liệu	11.508.852.800

Tại ngày 30/06/2012, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	21.613.950.594	19.663.800.251
Các cá nhân có liên quan	-	1.478.594.520
Cộng nợ phải thu	21.613.950.594	21.142.394.771

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do gia đình Chủ tịch HĐQT tham gia góp vốn thành lập
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiên Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa các Công ty trong Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>
Mua hàng hóa, dịch vụ,	9.042.606.063
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu	298.423,34 USD
Bán hàng hóa, dịch vụ	382.146.626
Giá trị hàng ủy thác xuất khẩu	251.129,35 USD
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>	
Bán thành phẩm	131.830.324.380
Bán nguyên vật liệu, hàng hóa, cung cấp dịch vụ	25.249.256.445
Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	42.861.534.473
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu	13.789.574,53 USD

Tại ngày 30/06/2012, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Phải tiền hàng ủy thác xuất khẩu	26.160,75 USD	231.596,05USD
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải thu tiền hàng	37.614.827.250	163.276.785
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Phải trả tiền hàng	2.391.391.822	2.692.462.513
Phải trả tiền hàng ủy thác xuất khẩu	47.885,90 USD	102.466,83 USD
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải trả tiền mua hàng	3.282.258.258	
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	3.749.944,97 USD	5.190.182,89 USD
Ứng trước tiền hàng		691.236.000
Phải trả tiền thu hộ		712.250.000

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 08 năm 2012


Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc